

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (4 điểm)	a. Cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới (1973) đã ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế của Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản?	2.0
	- Cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới 1973 đã ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản.	0.25
	- Mỹ: + Năm 1973 kinh tế Mỹ lâm vào khủng hoảng, suy thoái kéo dài đến 1982	0.25
	+ Từ năm 1983 kinh tế bắt đầu phục hồi. Tuy vẫn là nước đứng đầu thế giới về kinh tế - tài chính nhưng tỉ trọng kinh tế Mỹ trong nền kinh tế thế giới giảm sút nhiều so với trước.	0.25
	- Tây Âu: + Từ 1973 nhiều nước tư bản chủ yếu ở Tây Âu lâm vào tình trạng suy thoái, khủng hoảng, phát triển không ổn định, kéo dài đến đầu thập kỉ 90.	0.25
	+ Tuy vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới, nhưng kinh tế Tây Âu gặp không ít khó khăn, thách thức và vấp phải sự cạnh tranh quyết liệt từ phía Mỹ, Nhật Bản và các nước công nghiệp mới.	0.25
	- Nhật Bản: + Từ năm 1973 trở đi, sự phát triển kinh tế Nhật Bản thường xen kẽ với các đợt suy thoái ngắn.	0.25
	+ Từ nửa sau những năm 80, Nhật Bản đã vươn lên thành siêu cường tài chính số 1 thế giới với dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 3 lần Mỹ, gấp 1,5 lần Cộng hòa Liên bang Đức; trở thành chủ nợ lớn nhất thế giới.	0.25
	Như vậy, dưới tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới, nền kinh tế Mỹ - Tây Âu - Nhật Bản lâm vào khủng hoảng suy thoái, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng của các nước khác nhau nhưng sau đó các nước đã nhanh chóng thích ứng và tiếp tục phát triển để giữ vững vị trí là 3 trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất của thế giới.	0.25
	b. Bài học cho sự phát triển kinh tế của các nước hiện nay. <i>Thí sinh có thể trình bày, lập luận khác nhau, nhưng phải làm nổi bật được các nội dung sau:</i>	2.0
	- Từ tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới 1973 đến nền kinh tế toàn cầu, nhất là trong bối cảnh thế giới hiện nay có nhiều biến động như dịch bệnh, thiên tai, khủng hoảng năng lượng... các nước có thể rút ra các bài học sau:	0.5
	- Kịp thời thay đổi cơ cấu kinh tế, thích ứng với sự biến đổi của thế giới.	0.5
	- Áp dụng và không ngừng cải tiến khoa học kĩ thuật	0.5
	- Phát huy nguồn nhân lực trong nước và quốc tế	0.25
	- Giải quyết hài hòa 3 yếu tố: cải cách, ổn định và phát triển	0.25
Câu 2	a. Bảng dữ liệu trên phản ánh nội dung: Sự ra đời và phát triển của tổ chức	0.5

(4 điểm)	ASEAN	
	b. Khái quát nội dung đó.	3.5
	- Sau khi giành được độc lập, bước vào thời kì phát triển kinh tế trong điều kiện rất khó khăn, nhiều nước trong khu vực thấy cần có sự hợp tác với nhau để cùng phát triển. Đồng thời hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực. Hơn nữa những tổ chức hợp tác mang tính khu vực trên thế giới xuất hiện ngày càng nhiều, những thành công của khối thị trường chung châu Âu đã cổ vũ các nước Đông Nam Á tìm cách liên kết với nhau.	0.5
	- Ngày 8-8-1967, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) gồm 5 nước Indônêxia, Malaixia, Xingapo, Thái Lan, Philippin với mục tiêu: phát triển kinh tế và văn hóa thông qua những nỗ lực hợp tác chung giữa các nước thành viên, trên tinh thần duy trì hòa bình và ổn định khu vực.	0.5
	- Trong giai đoạn đầu (1967 - 1975), ASEAN là một tổ chức non trẻ, sự hợp tác trong khu vực còn lỏng lẻo, chưa có vị trí trên trường quốc tế.	0.5
	- Sự khởi sắc của ASEAN được đánh dấu bằng Hội nghị cấp cao Bali tháng 2-1976 với việc kí Hiệp ước thân thiện và hợp tác (Hiệp ước Bali) xác định những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước...	0.5
	- Vào thời điểm này, quan hệ giữa các nước Đông Dương và ASEAN bước đầu được cải thiện. Hai nhóm nước đã thiết lập quan hệ ngoại giao và bắt đầu có những chuyến viếng thăm lẫn nhau của các nhà lãnh đạo cấp cao. Năm 1984, Brunây gia nhập và trở thành thành viên thứ sáu của ASEAN.	0.5
	- Từ đầu những năm 90, ASEAN tiếp tục mở rộng thành viên. Tháng 7 – 1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ bảy của ASEAN. Tháng 7 – 1997, Lào và Mianma gia nhập ASEAN. Đến năm 1999, Campuchia được kết nạp vào tổ chức này.	0.5
Câu 3 (7 điểm)	- ASEAN đẩy mạnh hoạt động hợp tác kinh tế, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định và cùng phát triển.	0.5
	a. Bằng những kiến thức lịch sử đã học về lịch sử Việt Nam giai đoạn 1858 – 1884, em hãy nêu những cơ hội Việt Nam có khả năng thắng Pháp bảo vệ độc lập dân tộc.	5.0
	- Tại Đà Nẵng: + Năm 1858, quân ta anh dũng chống trả quân xâm lược, đẩy lùi nhiều đợt tấn công của chúng, gây cho Pháp nhiều khó khăn. Liên quân Pháp – Tây Ban Nha bị cầm chân suốt 5 tháng trên bán đảo Sơn Trà.	0.5
	+ Về sau quân Tây Ban Nha rút khỏi cuộc xâm lược. Khí thế kháng chiến sục sôi trong cả nước. Kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp bước đầu bị phá sản, nếu lúc đó triều đình dốc toàn lực ra đánh Pháp thì có khả năng đánh đuổi Pháp ra khỏi bờ cõi.	0.5
	- Tại Gia Định: + Năm 1860, nước Pháp đang sa lầy trong cuộc chiến tranh ở Trung Quốc và Italia, phải cho rút toàn bộ số quân ở Đà Nẵng vào Gia Định.	0.5
	+ Do phải chia sẻ lực lượng cho các chiến trường khác, số quân còn lại ở Gia Định chỉ có khoảng 1000 tên, lại phải rải trên một phòng tuyến dài tới 10 km. Trong khi Nguyễn Tri Phương được điều động từ Đà Nẵng vào chỉ huy mặt trận Gia Định, ông đã huy động quân và dân binh xây dựng Đại đồn Chí Hòa để phòng thủ chứ không chủ động tấn công nên gần 1000 quân Pháp vẫn yên ổn	0.5

	ngay bên cạnh phòng tuyến của quân ta với lực lượng gấp hơn 10 lần.	
	- Trận cây Giầy (1873): + Ngày 21/12/1873 Hoàng Tá Viêm phối hợp với đội quân Cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc phục kích quân Pháp ở Cầu Giầy, Gác-ni-ê bị tiêu diệt.	0.5
	+ Chiến thắng cầu Giầy lần thứ nhất khiến cho nhân dân vô cùng phấn khởi; làm cho quân Pháp hoang mang lo sợ và tìm cách thương lượng. Triều đình đã bỏ lỡ cơ hội tiêu diệt địch, kí với Pháp Hiệp ước Giáp Tuất (1874).	0.5
	- Trận Cầu Giầy (1883) + Ngày 19/5/1883, một toán quân Pháp do Ri-vi-e chỉ huy tiến ra ngoài Hà Nội theo đường Sơn Tây nhưng đến Cầu Giầy bị đội quân của Hoàng Tá Viêm và Lưu Vĩnh Phúc đổ ra đánh. Hàng chục tên giặc bị tiêu diệt, trong đó có cả tổng chỉ huy quân Pháp ở Bắc Kỳ là Ri-vi-e.	0.5
	+ Chiến thắng Cầu Giầy lần thứ hai thể hiện rõ quyết tâm tiêu diệt giặc của nhân dân ta, nhân dân vô cùng phấn khởi, quân Pháp hoang mang dao động. Tình hình rất thuận lợi nhưng triều đình lại do dự, không kiên quyết kháng chiến, vẫn nuôi ảo tưởng thu hồi hà Nội bằng con đường thương thuyết. Sau khi tăng thêm viện binh, Pháp đã đánh thắng vào Huế, buộc triều đình nhà Nguyễn phải đầu hàng.	0.5
	- Như vậy, triều đình nhà Nguyễn đã không kiên quyết kháng chiến, chiến thuật thủ hiểm sai lầm và nuôi ảo tưởng thông qua thương thuyết để cầu hòa nên bỏ lỡ nhiều cơ hội tiêu diệt địch.	0.5
	b. Giải thích tại sao Pháp phải mất gần 30 năm mới hoàn thành xâm lược Việt Nam	2.0
	- Do chúng vấp phải sự chống cự quyết liệt của nhân dân ta	0.5
	+ Một bộ phận quân đội, quan lại triều đình như Nguyễn Tri Phương, tổng đốc Hoàng Diệu, đốc học Phạm Văn Nghị.	0.25
	+ quần chúng nhân dân: ở Nam Kỳ như Nguyễn Trung Trực, Trương Định...; ở Bắc Kỳ như Lưu Vĩnh Phúc, Hoàng Tá Viêm...	0.25
	- Pháp ở xa đến không quen thuộc địa bàn, khí hậu...	0.25
	- Pháp ở xa đến không quen thuộc địa bàn, khí hậu...	0.25
	- Pháp bị sa lầy ở nhiều chiến trường khác (Trung Quốc, Italia) nên phải dàn mỏng lực lượng.	0.5
Câu 4 (5 điểm)	a. Đoạn tư liệu và tranh vẽ trên đây phản ánh: mục đích của thực dân Pháp trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam	0.5
	b. Nêu và nhận xét nội dung đó. <i>Học sinh có thể có nhiều cách nhận xét khác nhau, nhưng phải đảm bảo các yêu cầu sau:</i>	4.5
	- Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc. Nhu cầu về thị trường, nguyên liệu và nhân công ngày càng lớn.	0.5
	- Sau khi cơ bản bình định được Việt Nam bằng quân sự, thực dân Pháp bắt đầu cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất.	0.5
	- Mục đích khai thác thuộc địa của thực địa của thực dân Pháp: + Bù đắp thiệt hại cuộc chiến tranh xâm lược	0.5
	+ Nhằm vơ vét tối đa nguồn tài nguyên và nhân công làm giàu và phục vụ cho sự thống trị lâu dài của thực dân Pháp.	0.5

	+ Biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hóa cho Pháp.	0.5
	=> Như vậy, Pháp xâm lược Việt Nam là phục vụ nhu cầu phát triển của chủ nghĩa đế quốc chứ không phải khai hóa văn minh và tạo điều kiện phát triển cho Việt Nam như một số sử gia phương Tây đề cập.	1.0
	- Chính sách khai thác thuộc địa của Pháp ở Việt Nam đã làm cho đời sống nhân dân Việt Nam khổ cực và họ không ngừng nổi dậy đấu tranh.	1.0